

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-
RƯỢU- NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
*HANOI BEER, ALCOHOL AND
BEVERAGE JSC*
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
BIA HÀ NỘI
HANOI BEER TRADING JSC
Số: 57 /HAT
No: 57 /HAT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence – Freedom – Happiness

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2026
Ha Noi, date 12 month 8 year 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁO CÁO TÀI CHÍNH
DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: Hanoi Stock Exchange

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên đã được soát xét năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau/ Pursuant to Clauses 3 and 4, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 of the Ministry of Finance providing guidelines on information disclosure in the securities market, Hanoi Beer Trading Joint Stock Company hereby discloses the reviewed semi-annual financial statements for 2026 to the Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên tổ chức/ Company Name: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI/ HANOI BEER TRADING JSC
 - Mã chứng khoán/ Stock Code: HAT
 - Địa chỉ/ Address: Số 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội, Việt Nam/ No. 183 Hoang Hoa Tham Street, Ngoc Ha Ward, Hanoi City, Viet Nam.
 - Điện thoại/ Telephone: 024 37281476
 - Website: www.biahoihanoi.com.vn
2. Nội dung của thông tin công bố/ Contents of disclosed information: BCTC bán niên đã được soát xét năm 2026/Reviewed semi-annual financial statements for 2026.

X BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc)/ Separate financial statements (The listed organization has no subsidiaries and its superior accounting unit has dependent units);
☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con)/ Consolidated financial statements (The listed organization has subsidiaries);



☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)/ *Combined financial statements (The listed organization has dependent accounting units with independent accounting systems);*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 12/08/2026 tại đường dẫn/ *This information was disclosed on the Company's website on 12 August 2026 at the following link: www.biahoihanoi.com.vn*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố/ *We hereby certify that the information disclosed above is true and accurate and shall take full responsibility before the law for the contents of the information disclosed herein.*

Tài liệu đính kèm/ Attached Document:

- BCTC bán niên đã được soát xét 2026/ *Reviewed semi-annual financial statements for 2026*

Đại diện tổ chức

Representative of the Organization

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
Legal Representative/Authorized person for information disclosure

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hải Quân



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026
đã được soát xét



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
<i>Báo cáo tình hình tài chính</i>	05 – 09
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	10
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	11 – 12
<i>Bàn thuyết minh Báo cáo tài chính</i>	13 – 35

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

Khái quát

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội là công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014976 ngày 08/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế mới số 0102111943 thay đổi lần 14 ngày 14/08/2025.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và vật tư thiết bị, nguyên vật liệu ngành bia, rượu, nước giải khát;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh phụ phẩm trong sản xuất bia, bao gồm: bã bia;
- Kinh doanh phế liệu, phế phẩm sau quá trình sản xuất bia;
- Kinh doanh và cho thuê nhà xưởng, văn phòng, kho tàng, bến bãi.

Trụ sở chính của Công ty tại số 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội.

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Mạnh Hùng
Ông Nguyễn Văn Minh
Ông Trần Minh Tuấn

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Minh
Ông Nguyễn Hải Quân
Bà Mai Thị Phương Liên
Ông Bùi Bảo Ngọc

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Trần Phan Nguyệt Minh
Bà Vũ Thị Quyên
Bà Lê Thu Trang

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty phê chuẩn và cam kết rằng Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Văn Minh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2026



AUDIT AND ASSURANCE

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NVA
NVA AUDITING COMPANY LIMITED

Số 196 Vũ Tông Phan, Phường Bình Trưng, TP. HCM

Tel : (028) 3910 3908 - (028) 3910 6162

Email: nva@nva.com.vn

Web : www.nva.com.vn

Số: 30.06.1.1/26/BCTC/NVA

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi:

**Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội, được lập ngày 11 tháng 08 năm 2026, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30/06/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2026, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Lê Hồng Đào

Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 1732-2023-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		147.922.842.185	166.810.179.179
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10.521.520.550	11.331.105.437
1. Tiền	111		10.521.520.550	11.331.105.437
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		80.304.313.000	86.296.635.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2	80.304.313.000	86.296.635.000
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (*)	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác (*)	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50.132.053.280	59.584.255.365
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	2.206.200.000	40.172.674.800
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	22.216.932.480	19.386.874.553
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	25.708.920.800	24.706.012
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136		-	-
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	4.956.735.473	6.138.489.883
1. Hàng tồn kho	141		4.956.735.473	6.138.489.883
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn (*)	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		2.008.219.882	3.459.693.494
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.9	1.351.212.500	3.459.693.494
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		657.007.382	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		67.768.459.680	54.437.429.213
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215		-	-
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		16.329.586.573	14.173.062.521
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	15.738.244.600	13.402.553.876
- Nguyên giá	222		55.437.879.134	52.871.015.756
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(39.699.634.534)	(39.468.461.880)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	591.341.973	770.508.645
- Nguyên giá	228		2.324.648.000	2.324.648.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.733.306.027)	(1.554.139.355)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế (*)	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn (*)	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		7.500.000.000	7.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	V.2	7.500.000.000	7.500.000.000
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn (*)	264		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn (*)	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		43.938.873.107	32.764.366.692
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.9	43.823.666.078	32.405.816.400
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272	V.10	115.207.029	358.550.292
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		215.691.301.865	221.247.608.392

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		143.722.245.201	146.180.640.371
I. Nợ ngắn hạn	310		143.722.245.201	146.180.640.371
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	5.614.658.050	13.892.331.828
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	12.117.467.261	6.444.838.691
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		2.849.064.910	3.063.939.910
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.13	1.268.574.445	2.303.657.407
5. Phải trả người lao động	315		5.427.933.382	6.796.348.274
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.14	4.133.383.150	2.853.463.074
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.15	106.841.799.337	106.344.185.331
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321		-	-
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.469.364.666	4.481.875.856
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339		-	-
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**

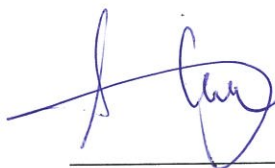
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.16	71.969.056.664	75.066.968.021
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		31.230.000.000	31.230.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		31.230.000.000	31.230.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.270.645.124	18.270.645.124
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		22.468.411.540	25.566.322.897
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		19.031.250.487	12.587.103.817
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		3.437.161.053	12.979.219.080
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		215.691.301.865	221.247.608.392

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc


Vũ Thị Kim Ngọc

Nguyễn Cao Tường

Nguyễn Văn Minh

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	771.756.133.463	685.185.731.727
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	557.872.280	147.049.516
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	771.198.261.183	685.038.682.211
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	720.846.685.242	646.473.048.707
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		50.351.575.941	38.565.633.504
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.5	1.194.529.508	2.692.255.481
8. Chi phí tài chính	23		-	-
Trong đó: Chi phí đi vay	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	56.774.349.596	58.484.432.186
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	11.482.440.558	10.758.197.221
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(16.710.684.705)	(27.984.740.422)
12. Thu nhập khác	31	VI.7	23.622.100.579	32.120.154.688
13. Chi phí khác	32	VI.8	2.614.964.559	265.463
14. Lợi nhuận khác	40		21.007.136.020	32.119.889.225
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.296.451.315	4.135.148.803
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	615.946.999	494.333.279
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		243.343.263	339.876.884
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.437.161.053	3.300.938.640
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.101	1.057
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.101	1.057

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Vũ Thị Kim Ngọc

Nguyễn Cao Tường

Nguyễn Văn Minh

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.296.451.315	4.135.148.803
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.434.671.326	1.499.994.638
- Các khoản dự phòng	03		-	(29.534.067)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(1.260.929.508)	(2.692.255.481)
- Chi phí đi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
1. 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.470.193.133	2.913.353.893
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		8.795.194.703	(55.219.103.095)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.181.754.410	(731.918.558)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.392.865.852)	35.337.030.519
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(9.309.368.684)	(10.220.378.701)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(454.090.127)	(575.420.077)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.547.583.600)	(1.723.345.537)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.256.766.017)	(30.219.781.556)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.591.195.378)	(2.180.909.091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		66.400.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(75.000.000.000)	(120.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		80.000.000.000	160.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.186.851.508	3.614.043.948
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.662.056.130	41.433.134.857

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

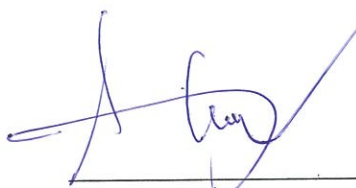
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(214.875.000)	(26.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(214.875.000)	(26.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(809.584.887)	11.186.453.301
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		11.331.105.437	8.258.746.114
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	10.521.520.550	19.445.199.415

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Vũ Thị Kim Ngọc

Nguyễn Cao Tường

Nguyễn Văn Minh

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội là công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014976 ngày 08/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế mới số 0102111943 thay đổi lần 14 ngày 14/08/2025.

Trụ sở chính của Công ty tại số 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và vật tư thiết bị, nguyên vật liệu ngành bia, rượu, nước giải khát; Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar); Kinh doanh vận tải hàng hóa; Kinh doanh phụ phẩm trong sản xuất bia, bao gồm: bã bia; Kinh doanh phế liệu, phế phẩm sau quá trình sản xuất bia; Kinh doanh và cho thuê nhà xưởng, văn phòng, kho tàng, bến bãi.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty không có khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và cũng không có đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán để lập báo cáo tài chính.

6. Số lượng lao động

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30/06/2026 là: 104 người (ngày 31/12/2025 là 104 người).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Trong kỳ công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 27/10/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến tồn thất có thể xảy ra hoặc không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu được trình bày ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Sản phẩm: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối kỳ trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Kỳ này	Kỳ trước
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm	05 – 25 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm	06 năm
- Máy móc thiết bị	03 – 07 năm	03 – 07 năm
- Dụng cụ quản lý	03 năm	03 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm	03 năm

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và các quy định khác về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí chờ phân bổ

Các chi phí chờ phân bổ chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc tính và phân bổ chi phí chờ phân bổ dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí chờ phân bổ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

8. Nguyên tắc ghi nhận phải trả cổ tức, lợi nhuận

Phải trả cổ tức, lợi nhuận được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan số cổ tức, lợi nhuận phải trả (bằng tiền, các tài sản phi tiền tệ) và tình hình thanh toán khoản cổ tức, lợi nhuận phải trả bằng tiền cho các cổ đông, thành viên góp vốn của Công ty.

Thời điểm Công ty ghi nhận khoản phải trả về cổ tức, lợi nhuận là thời điểm doanh nghiệp không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, thành viên góp vốn của Công ty theo quy định của pháp luật liên quan. Việc xác định thời điểm và việc chi trả cổ tức, lợi nhuận thực hiện như sau: Đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật về chứng khoán thì thời điểm bên nhận đầu tư không có quyền từ chối chi trả cổ tức được căn cứ theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, nghị quyết Hội đồng quản trị và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán được xác lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu như sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được Công ty ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Báo cáo tình hình tài chính và ghi giảm doanh thu, trên báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (năm trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ. Ngoài ra, còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); ...

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

15. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

16. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ngày ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.521.520.550	11.331.105.437
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - CN Hoàng Mai	3.048.626.357	3.199.798.820
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	1.274.679.965	443.117.701
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - CN Ba Đình	4.501.471.549	1.245.909.966
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- CN Hà Nội	726.780.365	5.868.869.252
- Các ngân hàng khác	969.962.314	573.409.698
Cộng	10.521.520.550	11.331.105.437

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đối tượng	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Ngắn hạn	80.304.313.000	80.304.313.000	86.296.635.000	86.296.635.000
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng đến 12 tháng	80.300.000.000	80.300.000.000	85.300.000.000	85.300.000.000
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - CN Ba Đình	10.300.000.000	10.300.000.000	300.000.000	300.000.000
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam - CN Ba Đình	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	65.000.000.000	65.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
+ Các ngân hàng khác	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Lãi tiền gửi tạm tính theo hợp đồng	4.313.000	4.313.000	996.635.000	996.635.000
- Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	80.304.313.000	80.304.313.000	86.296.635.000	86.296.635.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****b) Đầu tư vào đơn vị khác**

Đối tượng	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Đầu tư cổ phiếu		-		-
Đầu tư vào đơn vị khác		7.500.000.000		7.500.000.000
- Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hưng Yên 89 (750.000 cổ phiếu)	12,5%	7.500.000.000	12,5%	7.500.000.000
Cộng		7.500.000.000		7.500.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác		-		-
Giá trị thuần		7.500.000.000		7.500.000.000

(*) *Ghi chú: Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty tại Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hưng Yên 89 tương ứng với tỷ lệ sở hữu tại công ty này.*

3. Phải thu của khách hàng

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	2.206.200.000	40.172.674.800
Phải thu tiền hỗ trợ của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội về tiêu thụ bia	-	39.910.237.800
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội (thanh lý tài sản)	2.206.200.000	-
Công ty TNHH Nguyễn Kiên Toàn Cầu	-	262.437.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	2.206.200.000	40.172.674.800

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.

4. Trả trước cho người bán

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	22.216.932.480	19.386.874.553
Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	21.804.311.707	18.724.877.098
Các đối tượng khác	412.620.773	661.997.455
b) Dài hạn	-	-
Cộng	22.216.932.480	19.386.874.553

c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Phải thu khác

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	25.708.920.800	24.706.012
Tạm ứng	60.000.000	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	44.112.800	9.600.000
Phải thu giá trị bảo lãnh cược vô	6.500.000.000	-
Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát	19.104.808.000	-
Hà Nội (chỉ phí hỗ trợ bán hàng)	-	15.106.012
Phải thu khác	-	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	25.708.920.800	24.706.012

c) Phải thu khác là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.

6. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ		<i>Đơn vị tính: VND</i> Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	41.498.463	-	44.926.758	-
Công cụ, dụng cụ	37.500.000	-	195.500.000	-
Hàng hóa	4.877.737.010	-	5.898.063.125	-
Cộng	4.956.735.473	-	6.138.489.883	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình						Đơn vị tính: VND	
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng	
<i>Nguyên giá tài sản cố định hữu hình</i>							
Số dư đầu năm	23.242.470.862	1.119.519.000	27.841.928.756	358.204.545	308.892.593		52.871.015.756
Số tăng trong kỳ	909.500.000	-	2.681.695.378	-	-		3.591.195.378
- Mua sắm mới	909.500.000	-	2.681.695.378	-	-		3.591.195.378
Số giảm trong kỳ	-	57.500.000	932.832.000	34.000.000	-		1.024.332.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	57.500.000	932.832.000	34.000.000	-		1.024.332.000
Số dư cuối kỳ	24.151.970.862	1.062.019.000	29.590.792.134	324.204.545	308.892.593		55.437.879.134
<i>Giá trị đã hao mòn</i>							
Số dư đầu năm	15.027.933.104	1.011.381.087	22.995.496.486	192.315.660	241.335.543		39.468.461.880
Khấu hao trong kỳ	457.373.778	55.585.512	678.258.262	45.625.002	18.662.100		1.255.504.654
Giảm trong kỳ	-	57.500.000	932.832.000	34.000.000	-		1.024.332.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	57.500.000	932.832.000	34.000.000	-		1.024.332.000
Số dư cuối kỳ	15.485.306.882	1.009.466.599	22.740.922.748	203.940.662	259.997.643		39.699.634.534
<i>Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình</i>							
Tại ngày đầu năm	8.214.537.758	108.137.913	4.846.432.270	165.888.885	67.557.050		13.402.553.876
Tại ngày cuối kỳ	8.666.663.980	52.552.401	6.849.869.386	120.263.883	48.894.950		15.738.244.600

*** Ghi chú:**

- Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng: 21.642.893.281 đồng.
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Phần mềm máy tính

<i>Nguyên giá tài sản cố định vô hình</i>	2.324.648.000
Số dư đầu năm	-
Số tăng trong kỳ	-
Số giảm trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	2.324.648.000
<i>Giá trị đã hao mòn</i>	1.554.139.355
Số dư đầu năm	179.166.672
Khấu hao trong kỳ	-
Giảm trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	1.733.306.027
<i>Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình</i>	770.508.645
Tại ngày đầu năm	591.341.973
Tại ngày cuối kỳ	770.508.645

- Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng: 1.249.648.000 đồng.
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 đồng.

9. Chi phí chờ phân bổ

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	1.351.212.500	3.459.693.494
Công cụ dụng cụ xuất dùng	566.666.667	1.733.692.661
Chi phí sửa chữa	784.545.833	1.726.000.833
b) Dài hạn	43.823.666.078	32.405.816.400
Công cụ dụng cụ xuất dùng	39.155.077.465	27.658.099.115
Chi phí tiền thuê đất	4.668.588.613	4.747.717.285
Cộng	45.174.878.578	35.865.509.894

10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với chênh lệch tạm thời phát sinh	115.207.029	358.550.292
Cộng	115.207.029	358.550.292

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Phải trả người bán

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	5.614.658.050	13.892.331.828
Công ty Cổ phần ALIGRO	-	1.009.800.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vân Phú	-	1.630.585.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Phân phối Phú Thái	1.026.000.000	3.461.455.404
Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Đại Việt	1.025.421.255	58.320.000
Công ty TNHH dịch vụ thương mại quảng cáo Phong cách mới	391.467.675	5.372.751.492
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch Vụ Đại nam	1.373.152.000	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quân Phát	1.045.440.000	-
Các đối tượng khác	753.177.120	2.359.419.932
b) Dài hạn	-	-
Cộng	5.614.658.050	13.892.331.828

c) Phải trả người bán là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.

12. Người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	12.117.467.261	6.444.838.691
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Vận tải SMART LINK	2.151.539.822	-
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Phú Hưng	6.662.888	28.206.965
Công ty TNHH Thực phẩm và Thương mại Tuyết Nga	34.323.260	4.487.410
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại & Dịch vụ Trung Đức	13.824.078	209.481.678
Công ty Cổ phần CHAIN SOLUTION	58.686.228	1.239.857.104
Công ty TNHH Bia hơi Sơn Cháy	441.408.740	481.832.190
Công ty TNHH TM và DV Hoàn Hảo Việt Nam	-	655.285.000
Trung tâm hội nghị 37 Hùng Vương	359.798.214	57.134.364
Các đối tượng khác	9.051.224.031	3.768.553.980
b) Dài hạn	-	-
Cộng	12.117.467.261	6.444.838.691

c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước***Đơn vị tính: VND*

	Đầu năm	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	Cuối kỳ
a) Phải nộp	2.303.657.407	3.236.998.323	4.272.081.285	1.268.574.445
Thuế giá trị gia tăng	1.655.706.323	961.007.743	2.616.714.066	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	454.090.127	615.946.999	454.090.127	615.946.999
Thuế thu nhập cá nhân	193.860.957	1.660.043.581	1.201.277.092	652.627.446
b) Phải thu	-	-	-	-

14. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	4.133.383.150	2.853.463.074
Chi phí bán hàng	4.020.133.150	1.661.574.074
Chi phí phải trả khác	113.250.000	1.191.889.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	4.133.383.150	2.853.463.074

15. Phải trả khác

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	106.841.799.337	106.344.185.331
Kinh phí công đoàn	818.027.377	606.154.103
Bảo hiểm xã hội, y tế	-	35.738.500
Nhận ký cược, ký quỹ	105.328.170.000	105.392.760.000
Phải trả khác	695.601.960	309.532.728
b) Dài hạn	-	-
Cộng	106.841.799.337	106.344.185.331

c) Phải trả khác là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	31.230.000.000	18.270.645.124	27.584.396.317	77.085.041.441
Lợi nhuận trong kỳ			3.300.938.640	3.300.938.640
trước				
Trích quỹ KTPL từ lợi			(5.291.984.000)	(5.291.984.000)
nhuận năm 2024				
Trích thường Ban điều			(336.308.500)	(336.308.500)
hành từ lợi nhuận năm				
2024				
Chia cổ tức từ lợi			(9.369.000.000)	(9.369.000.000)
nhuận năm 2024				
Số dư cuối kỳ trước	31.230.000.000	18.270.645.124	15.888.042.457	65.388.687.581
Số dư đầu năm nay	31.230.000.000	18.270.645.124	25.566.322.897	75.066.968.021
Lợi nhuận trong kỳ			3.437.161.053	3.437.161.053
này				
Trích quỹ KTPL từ lợi			(5.603.988.810)	(5.603.988.810)
nhuận năm 2025				
Trích thường Ban điều			(931.083.600)	(931.083.600)
hành từ lợi nhuận năm				
2025				
Số dư cuối kỳ này	31.230.000.000	18.270.645.124	22.468.411.540	71.969.056.664

(*) Ghi chú: Theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/NQ-ĐHĐCĐ-HAT ngày 15/4/2026 đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2025 theo tỷ lệ 30% (giá trị 9.369.000.000 đồng).

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ VND	(%)	Đầu năm VND	(%)
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	18.738.000.000	60%	18.738.000.000	60%
Các cổ đông khác	12.492.000.000	40%	12.492.000.000	40%
Cộng	31.230.000.000	100%	31.230.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	31.230.000.000	31.230.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	31.230.000.000	31.230.000.000

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.123.000	3.123.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.123.000	3.123.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.123.000	3.123.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.123.000	3.123.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.123.000	3.123.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng).

17. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý	29.534.067	29.534.067

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	770.820.133.464	683.633.987.260
Doanh thu cung cấp dịch vụ	935.999.999	1.551.744.467
Cộng	771.756.133.463	685.185.731.727

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chiết khấu thương mại	557.872.280	147.049.516
Cộng	557.872.280	147.049.516

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu thuần bán hàng hóa	770.262.261.184	683.486.937.744
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	935.999.999	1.551.744.467
Cộng	771.198.261.183	685.038.682.211

4. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn hàng hóa	720.390.322.020	646.016.685.485
Giá vốn cung cấp dịch vụ	456.363.222	456.363.222
Cộng	720.846.685.242	646.473.048.707

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.194.529.508	2.692.255.481
Cộng	1.194.529.508	2.692.255.481

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
a) Chi phí bán hàng	56.774.349.596	58.484.432.186
Chi phí lương nhân viên	10.754.163.741	10.511.382.089
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	10.887.182.758	8.180.157.554
Chi phí khấu hao TSCĐ	246.590.234	392.549.469
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.220.812.320	36.543.582.607
Chi phí khác	3.665.600.543	2.856.760.467
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.482.440.558	10.758.197.221
Chi phí nhân viên quản lý	6.133.793.143	5.446.319.856
Chi phí khấu hao TSCĐ	731.717.870	651.081.947
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.930.642.756	2.068.218.668
Chi phí khác	2.686.286.789	2.592.576.750

c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu từ thanh lý TSCĐ, CCDC, phế liệu	2.416.572.480	343.196.947
Thu nhập tiền hỗ trợ của Tổng Công ty Cổ phần Bia	19.104.808.000	31.772.349.630
- Rượu - Nước giải khát Hà Nội về tiêu thụ bia		
Thu nhập khác	2.100.720.099	4.608.111
Cộng	23.622.100.579	32.120.154.688

8. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thanh lý CCDC, phế liệu	2.612.408.333	-
Chi phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	2.556.226	265.463
Cộng	2.614.964.559	265.463

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.
Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.296.451.315	4.135.148.803
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(1.216.716.318)	(1.699.384.420)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.216.716.318	1.699.384.420
+ Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng xe, thiết bị và sửa chữa văn phòng	1.216.716.318	1.699.384.420
Tổng thu nhập chịu thuế	3.079.734.997	2.435.764.383
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	615.946.999	487.152.877
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu các năm trước	-	7.180.402
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	615.946.999	494.333.279

10. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.437.161.053	3.300.938.640
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.437.161.053	3.300.938.640
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.123.000	3.123.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.101	1.057
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.101	1.057

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	10.887.182.758	8.180.157.554
Chi phí nhân công	16.887.956.884	15.957.701.945
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.434.671.326	1.499.994.638
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.151.455.076	38.611.801.275
Chi phí khác	6.351.887.332	5.449.337.217
Cộng	68.713.153.376	69.698.992.629

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin sự kiện sau niên độ**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan**2.1 Danh mục các bên liên quan có phát sinh giao dịch**

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV TM Habeco	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hưng Yên 89	Bên được đầu tư góp vốn

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

2.2 Giao dịch với bên liên quan

Trong kỳ, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu (không bao gồm VAT) như sau:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
		Kỳ này	Kỳ trước
Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	Mua hàng	720.218.792.960	636.139.407.020
	Thuê mặt bằng	1.668.774.600	1.564.318.800
	Đổi sản phẩm lỗi	432.573.550	320.610.070
	Sửa chữa keg hồng, thuê khuôn ép kết nhựa	-	665.000.000
	Nhận hỗ trợ bán hàng, VDQC	19.104.808.000	31.772.349.630
	Tiền điện nước	109.546.193	87.860.601
	Thanh lý vỏ keg, sóng nhựa	2.007.000.000	-
	Mua hàng	834.387.513	627.278.850
Công ty TNHH MTV TM Habeco			

Cho đến cuối kỳ, các khoản công nợ chưa được thanh toán với các bên liên quan khác như sau:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
		Giá trị khoản phải thu/(phải trả)	
		Cuối kỳ	Đầu năm
Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	Trả trước tiền mua hàng	21.804.311.707	18.724.877.098
	Hỗ trợ bán hàng	19.104.808.000	39.910.237.800
	Phải thu thanh lý vỏ keg, sóng nhựa	2.206.200.000	-
	Trả trước tiền mua hàng	74.463.269	641.997.455
Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco			

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Trong kỳ, thu nhập của Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng như sau:

Họ tên	Chức danh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao, lương chuyên trách của thành viên Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch HĐQT	1.284.748.800	432.099.800
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	42.222.720	52.560.000
Ông Trần Minh Tuấn	Thành viên	42.222.720	52.560.000
Thù lao, lương chuyên trách của thành viên Ban Kiểm soát			
Bà Trần Phan Nguyệt Minh	Trưởng Ban Kiểm soát	21.111.360	20.000.000
Bà Vũ Thị Quyên	Thành viên	17.592.800	19.800.000
Bà Lê Thu Trang	Thành viên	17.592.800	19.800.000
Thu nhập của Ban Giám đốc			
Ông Nguyễn Văn Minh	Giám đốc	1.288.348.800	419.712.000
Ông Nguyễn Hải Quân	Phó Giám đốc	718.113.600	283.887.600
Bà Mai Thị Phương Liên	Phó Giám đốc	719.113.600	284.924.300
Ông Bùi Bảo Ngọc	Phó Giám đốc	729.213.600	296.903.400
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt khác			
Ông Nguyễn Cao Tường	Kế toán trưởng	653.520.800	290.719.000

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là bán bia hơi nên không trình bày báo cáo bộ phận.

4. Tài sản đảm bảo

Tại ngày 30/06/2026, Công ty không có đảm bảo cho đơn vị khác bất kỳ tài sản nào và Công ty cũng không có nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng: Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ	134.585.788.248	-	134.585.788.248
Phải trả cho người bán	5.614.658.050	-	5.614.658.050
Người mua trả tiền trước	12.117.467.261	-	12.117.467.261
Chi phí phải trả	4.133.383.150	-	4.133.383.150
Các khoản phải trả khác	112.720.279.787	-	112.720.279.787
Số đầu năm	137.992.932.002	-	137.992.932.002
Phải trả cho người bán	13.892.331.828	-	13.892.331.828
Người mua trả tiền trước	6.444.838.691	-	6.444.838.691
Chi phí phải trả	2.853.463.074	-	2.853.463.074
Các khoản phải trả khác	114.802.298.409	-	114.802.298.409

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 đã được soát xét. Số liệu này được phân loại lại theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27/10/2025 về hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp như sau:

Chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính	Số đầu năm (trình bày lại)	Số đầu năm (đã báo cáo)	Chênh lệch
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	166.810.179.179	166.810.179.179	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	86.296.635.000	85.300.000.000	996.635.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	86.296.635.000	85.300.000.000	996.635.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	59.584.255.365	60.580.890.365	(996.635.000)
5. Phải thu ngắn hạn khác	24.706.012	1.021.341.012	(996.635.000)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	54.437.429.213	54.437.429.213	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	221.247.608.392	221.247.608.392	-
C. NỢ PHẢI TRẢ	146.180.640.371	146.180.640.371	-
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	3.063.939.910	-	3.063.939.910
10. Phải trả ngắn hạn khác	106.344.185.331	109.408.125.241	(3.063.939.910)
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	75.066.968.021	75.066.968.021	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	221.247.608.392	221.247.608.392	-

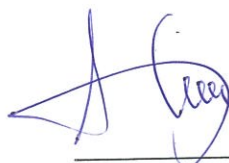
Người lập



Vũ Thị Kim Ngọc

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2026

Kế toán trưởng



Nguyễn Cao Tường



Giám đốc

Nguyễn Văn Minh